TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh – Thẩm tra viên chính của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT: Thôn ĐĐ, xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: A, thành phố Miryang, Gyeongnam, Hàn Quốc; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Thôn ĐĐ, xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn C, xã LT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2023 và các lời khai gửi đến Tòa án, nguyên đơn là anh Lê Văn Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/3/2005. Sau khi kết hôn, anh và chị M về chung sống với nhau, thời gian đầu cả hai vợ

chồng đều làm công nhân, chung sống hoà thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2008, sau khi sinh con thứ hai, kinh tế của vợ chồng anh gặp khó khăn khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng về quan điểm sống. Năm 2018, anh sang Hàn Quốc sinh sống, làm việc và chính thức sống ly thân với chị M từ đó đến nay. Hiện anh đã ở Hàn Quốc được 5 năm, cũng là khoảng thời gian vợ chồng giữa anh và chị M mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có bốn con chung là: Lê Văn C sinh ngày 04/8/2006, Lê Thị Mỵ L sinh ngày 02/01/2008, Lê Văn T sinh ngày 27/11/2015 và Lê Văn G sinh ngày 27/11/2015. Hiện cháu Lê Thị Mỵ L đang ở với chị M cùng với ông bà ngoại còn ba cháu Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn G đang ở cùng với ông bà nội. Ly hôn, anh và chị Nguyễn Thị M thoả thuận thống nhất đề nghị Toà án giải quyết giao cháu Lê Thị Mỵ L cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn giao ba cháu Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn G cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày thống nhất với anh Lê Văn Đ về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Chị Nguyễn Thị M có quan điểm đồng ý với yêu cầu ly hôn mà anh Lê Văn Đ đưa ra. Chị Nguyễn Thị M thống nhất với lời khai của anh Lê Văn Đ về việc vợ chồng có bốn con chung là: Lê Văn C sinh ngày 04/8/2006, Lê Thị Mỵ L sinh ngày 02/01/2008, Lê Văn T sinh ngày 27/11/2015 và Lê Văn G sinh ngày 27/11/2015; ly hôn chị đồng ý nhận nuôi cháu Lê Thị Mỵ Nương, còn anh Đ có trách nhiệm nhận nuôi ba cháu Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn G cho đến khi các con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị Nguyễn Thị M có cùng có quan điểm với anh Lê Văn Đ là hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Lê Văn Đ đang ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn Đ có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị M. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Lê Văn Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài, bị đơn chị Nguyễn Thị M hiện đang cư trú ở thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Uỷ ban nhân dân xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/3/2005. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M cùng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, hiện mỗi người sống một nước, không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau. Nay, cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên việc anh Lê Văn Đ có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M là có căn cứ chấp nhận. Xét quan hệ hôn nhân của anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của anh Lê Văn Đ đối với chị Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M có bốn con chung là: Lê Văn C sinh ngày 04/8/2006, Lê Thị Mỵ L sinh ngày 02/01/2008, Lê Văn T sinh ngày 27/11/2015 và Lê Văn G sinh ngày 27/11/2015. Hiện cháu Lê Thị Mỵ L đang ở với chị M cùng với ông bà ngoại, còn ba cháu Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn G đang ở cùng với ông bà nội, anh Đ vẫn thường xuyên gửi tiền về cho ông bà nội nuôi con. Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M thoả thuận về việc nuôi con là chị M nhận nuôi cháu Lê Thị Mỵ Nương, còn anh Đ nhận nuôi ba cháu Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn G cho đến khi các con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; cháu Lê Thị Mỵ L có bản tự khai muốn được ở với mẹ; ba cháu Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn G đều có bản tự khai muốn được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Lê Thị Mỵ L cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao ba cháu Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn G

cho anh Lê Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Đ là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung:

- Giao các cháu: Lê Văn C sinh ngày 04/8/2006, Lê Văn T sinh ngày 27/11/2015 và Lê Văn G sinh ngày 27/11/2015 cho anh Lê Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao cháu Lê Thị Mỵ L sinh ngày 02/01/2008 cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị M không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0000107 ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Lê Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh Lê Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã ĐB, huyện AD;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Anh Sơn